TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN Đ B** TỈNH ĐIỆN BIÊN	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **10**/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 24/01/2022
V/v: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ B, TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Trần Thị Tố Loan.**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Nông Trung Kiên.**

Ông **Nguyễn Đăng Hùng.**

- *Thư ký phiên tòa*: Bà **Nguyễn Thu Hương**, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên;

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên tham gia phiên toà:* Bà **Nguyễn Thị Mai -** Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 01 năm 2022 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 29/2021/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 09/2022/QĐST- HNGĐ ngày 07/01/2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Lò Văn M; sinh năm 1991.

Địa chỉ: Đội 11 (nay là bản P,), xã T Y, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt có lý do).

2. Bị đơn: Chị Lò Thị M1; sinh năm 1997.

Địa chỉ: Đội 11 (nay là bản P,), xã T Y, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên (Vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 25/10/2021 và và trong quá trình giải quyết nguyên đơn anh Lò Văn M trình bày:

1. Về hôn nhân: Anh Lò Văn M và chị Lò Thị M1 có đăng ký kết hôn tại UBND xã T Y, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên vào ngày 06/01/2015, kết hôn hoàn toàn tự nguyện không bị ép buộc. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống với nhau hòa thuận đến tháng 01/2020 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng

quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng vẫn không thể hoà hợp được. Chúng tôi đã sống ly thân, cô Mai tự ý bỏ đi làm xa thỉnh thoảng mới về thăm con xong lại đi, không thể liên lạc được và tôi cũng không biết cô Mai làm công việc gì, ở đâu?. Đến nay, trong thời gian sống ly thân tôi nhận thấy tình cảm vợ chồng đã không còn, hôn nhân đã dẫn đến trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được.Từ các mâu thuẫn trên nay Anh M làm đơn đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Lò Thị M1.

2. Về con chung: Anh Lò Văn M và chị Lò Thị M1 có 02 con chung là cháu Lò Bảo T; sinh ngày 09/10/2014 và Lò Hoàng Nhật M2, sinh ngày 09/6/2017.

Anh M có nguyện vọng sau khi ly hôn sẽ là người trực tiếp nuôi dưỡng cả 2 cháu cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác.

Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung chúng tôi tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết.

3. Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Chúng tôi tự thỏa thuận, không yêu cầu tòa giải quyết.

Ngày 28/10/2021, sau khi thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện ly hôn của anh Lò Văn M. Toà án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên đã thông báo thụ lý vụ án số: 29/2021/TLST- HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2021 và đã liên lạc bằng điện thoại, xuống tống đạt trực tiếp cho chị Lò Thị M1 tuy nhiên đã đến nhiều lần nhưng chị M1 không có mặt ở nhà, liên lạc bằng điện thoại thì chị M từ chối nhận, chị M1 không hợp tác và cũng không có ý kiến phải hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã làm việc với Trưởng bản P, , xã T Y, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên nơi chị M1 cư trú thì Trưởng bản P, , xã T Y cho biết chị M1 đăng ký hộ khẩu thường trú tại bản P, xã T Y, huyện Đ B nhưng hiện nay chị M1 đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ chỉ thấy chị M1 đi về nhà thất thường. Do đó, Tòa án đã phải thực hiện việc tống đạt các văn bản tố tụng bằng hình thức niêm yết công khai theo quy định của pháp luật tại bản P, xã T Y, huyện Đ B và UBND xã T Y, huyện Đ B; Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên nhưng đến thời điểm này chị M1 cũng không có ý kiến phản hồi. Do vậy, Toà án không thể tiến hành hoà giải được, Tòa án đã ra Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 10/2021/QĐXXST- HNGĐ, ngày 17 tháng 12 năm 2021, tại phiên tòa chị M1 vắng mặt không lý do. Hội đồng xét xử đã ra Quyết định hoãn phiên tòa, phiên tòa xét xử vụ án được ấn định vào hồi 08 giờ 00 phút ngày 24/01/2022. Tất cả các thủ tục như: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 1 và Thông báo kết

quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải lần 2; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập đương sự đều được Tòa án niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa hôm nay bị đơn chị Lò Thị M1 đã được triệu tập hợp lệ 02 lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng. Căn cứ quy định tại điểm b Khoản 2 Điều 227/BLTTDS, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định.

** Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:*

* Về việc tuân theo pháp luật của thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật trong thời gian chuẩn bị xét xử của thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án thẩm phán đã thực hiện đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký tại phiên tòa: Tại phiên tòa ngày hôm nay, Hội đồng xét xử, thư ký đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án, kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án:

+ Đối với Nguyên đơn: Trong quá trình giải quyết vụ án đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định tại các Điều 70,71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Các tài liệu, chứng cứ mà Nguyên đơn cung cấp là bản photo có công chứng hoặc bản chính, đảm bảo đúng quy định tại Điều 95 Bộ luật Tố tụng dân sự.

+ Đối với Bị đơn: Bị đơn không thực hiện đúng các quy định về quyền, nghĩa vụ của bị đơn tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự, ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án.

Ý kiến về việc giải quyết vụ án:

- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình. Đề nghị HĐXX chấp nhận nội dung đơn khởi kiện của Anh M được ly hôn với chị M1.

- Đối với con chung: Đề nghị HĐXX căn cứ Điều 69, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình. Giao Lò Bảo T; sinh ngày 09/10/2014 và Lò Hoàng Nhật M2, sinh ngày 09/6/2017 cho Anh M là người trực tiếp trông nom, chăm sóc và nuôi dưỡng cho đến khi các cháu đủ tuổi thành niên hoặc khi có thay đổi khác. Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Anh M, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Anh M và chị M1 tự thoả thuận, không yêu cầu Toà án giải quyết, nên đề nghị HĐXX không xem xét giải quyết.

- Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 anh Lò Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

** Những yêu cầu, kiến nghị để khắc phục vi phạm tố tụng ở giai đoạn sơ thẩm*: Đối với vi phạm của Bị đơn làm ảnh hưởng đến quá trình giải quyết vụ án của Tòa án bị kéo dài. Yêu cầu Bị đơn thực hiện đúng nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 25/10/2021 anh Lò Văn M nộp đơn khởi kiện về việc Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn tại Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên đối với chị Lò Thị M1 có địa chỉ tại Đội 11 (nay là bản P,), xã T Y, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Ngày 28/10/2021 Anh M đã nộp tạm ứng án phí theo Điều 146 Bộ luật tố tụng Dân sự (sau đây ghi tắt là BLTTDS) và nộp biên lai thu tiền tạm ứng án phí cho Tòa án, cùng ngày Tòa án đã thụ lý vụ án để giải quyết yêu cầu khởi kiện của Anh M theo Điều 195 BLTTDS

Về thẩm quyền giải quyết: Yêu cầu Ly hôn giữa anh Lò Văn M và chị Lò Thị M1 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 BLTTDS.

Các vấn đề khác: Nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Bị đơn đã được Tòa án nhân dân huyện Đ B, tỉnh Điện Biên đã thực hiện đúng qui định tại các Điều 177; Điều 179/ BLTTDS, việc chị M1 không thực hiện quyền và nghĩa vụ được quy định tại các Điều 70; Điều 72/BLTTDS là do chị M1 đã tự từ bỏ quyền và nghĩa vụ của mình. Cho nên căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự điểm b Khoản 2 Điều 227; khoản 1, 3 Điều 228/BLTTDS. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử theo đúng quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung.

[2.1] Xét về hôn nhân: Anh Lò Văn M và chị Lò Thị M1 kết hôn năm 2015 tại UBND xã T Y, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Như vậy, hôn nhân giữa Anh M và chị M1 đảm bảo về điều kiện kết hôn, đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và Gia đình và là hôn nhân hợp pháp.

Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và đã có 02 con chung. Theo Anh M thời gian đầu chung sống vợ chồng có hạnh phúc, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân chính là do bất đồng quan điểm sống, không có tiếng nói chung, vợ chồng thường xuyên cãi nhau, mặc dù đã được hai bên gia đình hoà giải nhiều lần nhưng vẫn không thể hoà hợp được. Chúng tôi đã sống ly thân, cô Mai tự ý bỏ đi làm xa thỉnh thoảng mới về thăm các con xong lại đi, không thể liên lạc được và tôi cũng không biết cô Mai làm công việc gì, ở đâu? nay Anh M xin được ly hôn với chị M1. Tòa án đã thông báo cho chị M1 được biết, nhưng chị M1 từ chối nhận và chị M1 không hợp tác và cũng không có ý kiến phản hồi bằng văn bản cho Tòa án. Tòa án đã triệu tập chị M1 nhiều lần đều vắng mặt và vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; vắng mặt tại các buổi hòa giải do Tòa án tổ chức nên không hòa giải được. Tòa án đã tiến hành mọi thủ tục niêm yết theo đúng quy định của pháp luật, nhưng chị M1 vẫn không đến Tòa. Điều này chứng tỏ tình trạng hôn nhân giữa Anh M và chị M1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Trong quá trình giải quyết, mặc dù tại phiên toà ngày hôm nay Anh M có đơn xin vắng mặt nhưng vẫn giữ nguyên quan điểm và đề nghị Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị M1. Hội đồng xét xử xét thấy, để đảm bảo quyền lợi của đương sự và để giải phóng cho Anh M khỏi tình trạng hiện tại khi mà hôn nhân không thể đem lại hạnh phúc, nên chấp nhận đơn xin ly hôn của Anh M và áp dụng Điều 51, Điều 56 Luật hôn nhân gia đình, xử cho ly hôn giữa anh Lò Văn M và chị Lò Thị M1.

[2.2] Xét về con chung: Anh Lò Văn M trình bày nguyện vọng được trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung là cháu Lò Bảo T; sinh ngày 09/10/2014 và cháu Lò Hoàng Nhật M2, sinh ngày 09/6/2017 và xét đơn trình bày nguyện vọng của cháu Trâm mong muốn được ở cùng với Bố đẻ để chị em có điều kiện học tập tốt nhất. Xét thấy hiện tại Anh M mới là người có đủ điều kiện nuôi dưỡng, chăm sóc các con chung. Vì hiện nay chị M1 đi làm xa thỉnh thoảng mới về thăm các con, Anh M là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục các con từ khi vợ chồng ly thân đến nay.

Theo xác nhận của Trưởng bản P, , xã T Y và UBND xã T Y, huyện Đ B, tỉnh Điện Biên xác nhận thì vợ chồng Anh M và chị M1 khi còn chung sống đã thường xảy ra mâu thuẫn cãi nhau, vợ chồng không có tiếng nói chung, bản thân anh chị đã

sống ly thân, hiện nay chị M1 đi đâu, làm gì chính quyền địa phương không rõ chỉ thấy chị M1 đi về nhà thất thường. Như vậy không đảm bảo sự phát triển của trẻ. HĐXX căn cứ Điều 69 và Điều 81; Điều 82 Luật Hôn nhân gia đình chấp nhận nguyện vọng của Anh M và của cháu Lò Bảo T. Giao các con chung cho Anh M được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng giáo dục. Chị M1 có quyền đi lại thăm con chung không ai được cản trở.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con: Anh M không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy HĐXX không xem xét.

[3] Xét về tài sản: Về tài sản riêng; tài sản chung; nợ phải trả; nợ lấy về và diện tích ruộng nương: Anh M không yêu cầu Toà án giải quyết. Vì vậy HĐXX không xem xét.

[4] Về nghĩa vụ chịu án phí: Theo quy định tại khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Lò Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Khoản 1 Điều 51; Khoản 1 Điều 56; Điều 57; Điều 81 Điều 82, Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho ly hôn giữa anh Lò Văn M với chị Lò Thị M1.

2. Về con chung: Giao 02 con chung là cháu Lò Bảo T; sinh ngày 09/10/2014 và Lò Hoàng Nhật M2, sinh ngày 09/6/2017 cho anh Lò Văn M trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục cho đến khi các cháu thành niên hoặc khi có thay đổi khác.Vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về chia tài sản chung; Tài sản riêng; Tài sản chung; Nợ phải trả; Nợ lấy về; diện tích ruộng: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 4 Điều 147/BLTTDS; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh Lò Văn M phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí DSST Anh M đã nộp theo biên lai thu tiền số 0004829 ngày 28/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ B, tỉnh Điện Biên. Anh M đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự anh Lò Văn M và chị Lò Thị M1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- VKSND HĐB;
- Các đương sự;
- UBND xã T Y, HĐB, tỉnh ĐB;
- Chi cục THADS HĐB;
- Lưu VP;
- Tòa án tỉnh ĐB;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thị Tố Loan